

HẦU TRỜI

TÂN ĐÀ

KẾT QUẢ CẨN ĐẠT

- Hiểu được ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ của Tân Đà thể hiện qua câu chuyện "hầu Trời".
- Thấy được những cách tân nghệ thuật trong bài thơ và quan niệm mới về nghề văn của tác giả.

TIỂU DẪN

Tân Đà (1889 - 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, Hà Nội). Làng ông nằm ven sông Đà, gần núi Tản Viên. Nhà thơ đã lấy tên núi, tên sông đó ghép lại thành bút danh của mình.

Tân Đà thuộc dòng dõi khoa bảng, từng theo đài con đường cử nghiệp nhưng thi Hương hai lần đều không đỗ. Ông chuyển sang viết báo, viết văn, làm thơ và trở thành một trong những người Việt Nam đầu tiên sinh sống bằng

nghề viết văn, xuất bản. Tân Đà từng ôm mộng cải cách xã hội theo con đường hợp pháp, dùng báo chí làm phương tiện. Ông sống phóng khoáng, đã đeo "túi thơ" đi khắp bờ kè và nếm đủ nhục vinh trong cuộc đời, đặc biệt phải chịu nhiều lận đận với nghề văn, nghề báo. Tuy nhiên, trước sau Tân Đà vẫn giữ được cốt cách nhà nho và phẩm chất trong sạch. Ông mất tại Hà Nội trong cảnh bần hàn.

Tân Đà là người đi tiên phong ở nhiều lĩnh vực văn hóa, là một cây bút tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn giao thời, có thành tựu trên nhiều thể loại nhưng thực sự xuất chúng với thơ. Ông đã đặt được dấu gạch nối giữa văn học truyền thống và văn học hiện đại, là người "đạo bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kì đương sắp sửa" (Hoài Thanh), "người báo tin xuân" cho phong trào Thơ mới 1932 - 1945. Tân Đà để lại khá nhiều tác phẩm. Về thơ, tiêu biểu là *Khối tình con I, II, III* (xuất bản lần lượt vào các năm 1916, 1918, 1932), *Còn chơi* (1921), *Thơ Tân Đà* (1925),... Về văn xuôi, tiêu biểu là *Giấc mộng lớn* (1928), *Giấc mộng con I, II* (1916, 1932), *Tân Đà văn tập* (1932),... Ngoài ra, Tân Đà còn chú giải *Truyện Kiều*, dịch *Kinh thi*, thơ Đường, *Liêu Trai chí dị* và soạn một số vở tuồng như *Tây Thi*, *Thiên Thai*,...

Bài thơ *Hầu Trời dài*, vì vậy, chỉ cần tập trung tìm hiểu đoạn in chữ to (từ câu 25 đến câu 98)^(*).

*
* *

1. *Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng.
Thật hồn ! Thật phách ! Thật thân thế!
Thật được lên tiên – sướng lạ lùng.*

(*) Ở phần Văn học, để tiện theo dõi, người biên soạn thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia đoạn các văn bản.



5. *Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Nằm buồn, ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước, nằm ngâm văn.*
- Chơi văn ngâm chán lại chơi trăng*
10. *Ra sân cùng bóng đi tung tăng
Trên trời bóng thấy hai cò xuống
Miệng cười mồm mỉm cùng nói rằng :*
- "Trời nghe hả giới ai ngâm nga,
Tiếng ngâm vang cả sông Ngân Hà !
15. *Làm Trời mát ngủ, Trời dương mắng
Có hay lên đọc, Trời nghe qua".*
- Ước māi bay giờ mới gặp tiên !
Người tiên nghe tiếng lại như quen !
Văn chương nào có hay cho lắm*
20. *Trời đã sai gọi thời phải lên.*
- Theo hai cò tiên lên đường mây
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ chóp, oai rực rỡ
Thiên môn để khuyết⁽¹⁾ như là đây !*
25. *Vào trong thấy Trời, sụp xuống lạy
Trời sai tiên nũ dắt lôi dậy.
Ghé bành như tuyết vân như mây
Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.*
- Chư tiên ngồi quanh đã tĩnh túc⁽²⁾*
30. *Trời sai pha nước để nháp giọng.
Truyền cho "văn sĩ đọc văn nghe !"
"Đã bần lạy Trời con xin đọc".*

(1) *Thiên môn để khuyết* (*thiên môn* : cửa trời ; *để khuyết* : cửa vào thiên đình) : chỉ cửa trời.

(2) *Chư tiên* : các vị tiên. *Tịnh túc* : (ngồi) ngay ngắn, tề chỉnh hoặc đã yên chỗ.

- Đọc hết văn vần sang văn xuôi
 Hết văn thuyết lí lại văn chơi⁽¹⁾
 35. Dương con đặc ý đọc đã thích
 Chè trời nháp giọng càng tốt hoi.
 Văn dài hơi tốt ran cung mây !
 Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.
 Tâm⁽²⁾ như nở da, Cơ⁽³⁾ lè lưỡi
 40. Hằng Nga, Chức Nữ⁽⁴⁾ chau đôi mày
 Song Thành, Tiểu Ngọc⁽⁵⁾ lắng tai đứng
 Đọc xong một bài cùng vỗ tay.
 – "Bẩm con không dám man⁽⁶⁾ của Trời
 Những áng văn con in cả rồi
 45. Hai quyền Khối tình văn thuyết lí
 Hai Khối tình con là văn chơi
 Thần tiên, Giác mộng văn tiểu thuyết
 Đài gương, Lên sáu văn vị đồi
 Quyền Đàm bà Tàu lối văn dịch
 50. Đến quyền Lên tám⁽⁷⁾ nay là mười
 Nhờ Trời văn con còn bán được
 Chứa biết con in ra mấy mươi ?"

(1) Văn thuyết lí, văn chơi : các loại văn chính theo cách phân chia và quan niệm của Tân Đà. Văn thuyết lí hay văn vị đồi (vì đồi) là loại văn xuôi có chức năng giáo huấn, để cập những vấn đề nghiêm chỉnh như yêu nước, cứu đời. Văn chơi là thơ ca – loại văn không bàn trực diện đến các vấn đề xã hội.

(2) Tâm là tên một ngôi sao. Đây lấy nghĩa chữ tâm là lòng (Tân Đà chú).

(3) Cơ cũng là tên một ngôi sao. Chữ cơ nguyên là cái mệt, đây lấy nghĩa chữ là lè lưỡi (Tân Đà chú).

(4) Hằng Nga, Chức Nữ : các nhân vật trong thần thoại Trung Hoa. Hằng Nga còn được gọi là Thường Nga, một tiên nữ sống ở cung Quảng Hàn trên mặt trăng. Chức Nữ cũng là một tiên nữ, sống ở bờ bắc sông Ngân, chỉ được gặp mặt chồng là Ngưu Lang mỗi năm một lần vào ngày mồng bảy tháng bảy âm lịch (Ngưu Lang chăn trâu ở bờ nam sông Ngân).

(5) Song Thành, Tiểu Ngọc : tên hai vị tiên, thị nữ của bà Tây Vương Mẫu – một nhân vật trong thần thoại Trung Hoa.

(6) Man : lừa dối.

(7) Khối tình, Khối tình con, Thần tiên, Giác mộng, Đài gương, Lên sáu, Đàm bà Tàu, Lên tám : tên những tác phẩm của Tân Đà.

- Văn đã giàu thay, lại lắm lối
 Trời nghe Trời cũng bật buồn cười !
55. Chu tiên ao ước tranh nhau dặn :
 – "Anh gánh lên đây bán chợ Trời !"
 Trời lại phê cho : "Văn thật tuyệt !
 Văn trân được thế chắc có ít !
 Nhời văn chuốt đẹp như sao băng !
60. Khí văn hùng mạnh như mây chuyền !
 Èm như gió thoảng, tinh⁽¹⁾ như sương !
 Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết !
 Chẳng hay văn sĩ tên họ gì ?
 Người ở phương nào, ta chưa biết".
65. – "Đã bần lạy Trời con xin thưa
 Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
 Quê ở Á châu về Địa Cầu
 Sông Đà núi Tân nước Nam Việt".
70. Nghe xong Trời ngạc⁽²⁾ một lúc lâu
 Sai bảo thiên tào⁽³⁾ lấy sổ xét.
 Thiên tào tra sổ xét vừa xong
 Để sổ lên trình Thượng đế trông
 – "Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu
 Đày xuống hạ giới vì tội ngông".
75. Trời rằng : "Không phải là Trời dày,
 Trời định sai con một việc này
 Là việc "thiên lương"⁽⁴⁾ của nhân loại,
 Cho con xuống thuật cùng đời hay".

(1) Tinh : trong sáng, thanh sạch.

(2) Ngạc : hơi ngỡ vực, nửa tin nửa ngờ.

(3) Thiên tào : tên gọi chung của các bộ phận chuyên trách ở thiên đình (không nên nhầm thiên tào với Nam Tào, Bắc Đẩu vốn là hai nhân vật được Ngọc Hoàng giao nhiệm vụ giữ sổ sinh, sổ tử ghi chép việc sống chết của nhân loại dưới hạ giới). Trong một số văn cảnh khác, thiên tào được xem như đồng nghĩa với trời.

(4) Việc "thiên lương" : một luận thuyết về cải cách xã hội của Tân Đà Ông quan niệm "thiên lương" là nhân tố cơ bản thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, là sự thống nhất toàn vẹn của ba "chất" trong con người : *luong tri* (tri giác trời cho), *luong tam* (tâm tính, bụng dạ trời cho) và *luong nang* (tài năng trời cho). Theo ông, nếu chú ý bồi đắp, thực hành "thiên lương" thì có thể cải tạo được tình trạng "luân thường đảo ngược, phong hoá suy đồi" và sự trì trệ, lạc hậu của xã hội Việt Nam thời đó.

- "Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó
80. Trần gian thước đất cũng không có
 Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều
 Vốn liếng còn một bụng văn đó.
 Giấy người mực người thuê người in
 Muốn của hàng người bán phường phố.
85. Văn chương hạ giới rẻ như bèo
 Kiếm được đồng lãi thực rất khó.
 Kiếm được thời ít tiêu thời nhiều
 Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
 Lo ăn lo mặc hết ngày tháng
90. Học ngày một kém tuổi ngày cao
 Sức trong non yếu ngoài chen rập
 Một cây che chong bốn năm chiều.
 Trời lại sai con việc nặng quá
 Biết làm có được mà dám theo".
95. Rằng : "Con không nói Trời đã biết
 Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết
 Thời con cứ về mà làm ăn
 Lòng thông chó ngai chi sương tuyết!"
- Vâng nhời Trời dạy, lạy xin ra
100. Trời sai Khiên Ngưu⁽¹⁾ đóng xe tiên
 Xe trời đã chục ngoài thiên môn
 Chư tiên theo ra cùng tiên biệt.
 Hai hàng luy biệt⁽²⁾ giọt sương rơi
 Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
105. Thiên tiên ở lại, trích tiên xuống⁽³⁾
 Theo đường không khí về trần ai⁽⁴⁾.

(1) Khiên Ngưu : tức Ngưu Lang.

(2) Luy biệt : nước mắt chia tay.

(3) Thiên tiên : tiên ở trên trời. Trích tiên : tiên bị tội dày xuống hạ giới.

(4) Trần ai : nghĩa đen là bụi bặm, dày chỉ cõi trần, nơi người ở trên mặt đất.

*Đêm khuya khí thanh sao thưa vắng
Trăng tà đưa lối về non Đoài⁽¹⁾.
Non Đoài đã tối quê trấn giới,
110. Trông lên chư tiên không còn ai.*

*Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy
Giữa sân còn đường riêng ngâm ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
114. Sao được mỗi đêm lên hâu Trời !*

(Theo *Tuyển tập Tân Đà*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Thuật lại chuyện "hâu Trời" của Tân Đà trong bài thơ và làm rõ tài hư cấu của tác giả (chú ý phân tích cách tạo tình huống, chọn chi tiết, dụng đối thoại, bố trí các cảnh, miêu tả tâm lí đa dạng của nhân vật,...).
2. Chuyện "hâu Trời" bằng tưởng tượng đã giúp nhà thơ nói được gì về bản thân cùng quan niệm mới của ông về văn và nghệ văn ?
3. Tìm các chi tiết thể hiện ý thức cá nhân của tác giả.
4. Chỉ ra nét cách tân của bài thơ ở giọng điệu và cách dùng các yếu tố thuộc khẩu ngữ.
5. Nhận xét chung về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Cái mà người ta thường gọi là "ngông" ở Tân Đà được thể hiện như thế nào trong bài thơ ? Hãy nêu những điểm gần gũi và khác biệt giữa cái "ngông" của Tân Đà với cái "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ trong *Bài ca ngất ngưởng*.

(1) *Đoài* : tên một quê trong bát quái, chỉ phương tây. *Non Đoài* : núi phía tây ; cũng có thể hiểu là xứ Đoài (cách gọi dân dã về miền Sơn Tây – quê hương của tác giả – nay thuộc Hà Nội).

TRI THỨC ĐỌC - HIẾU

Một số yếu tố mới về hình thức trong thơ Việt Nam đầu thế kỷ XX

Từ những năm hai mươi của thế kỷ XX, thơ Việt Nam đứng trước một thời kì phát triển mới để tiến vào quỹ đạo hiện đại. Sự đổi mới trong cách nhìn, cách cảm xúc dẫn đến nhiều đổi mới trong hình thức thơ :

– Việc chia một bài thơ (trước hết là thơ thất ngôn) thành nhiều khổ là hiện tượng đáng chú ý, mặc dù trước đây, những dấu hiệu của sự chia khổ đã thấp thoáng xuất hiện. Với việc chia khổ, nhà thơ có điều kiện thể hiện được nhiều cung bậc cảm xúc biến hoá đa dạng của con người cá nhân, phá đi tính chất duy lí chặt chẽ trong cấu trúc của thơ cổ điển.

– Nhiều hình tượng quen thuộc của thơ cổ điển đã được cải biến, làm mới, có khi được đặt bên cạnh các hình tượng mượn từ thơ ca dân gian ; vì vậy, chúng trở nên gần gũi, dung dị, ít mang vẻ cao sang, xa cách như trước.

– Ngữ điệu thơ đã mang dáng dấp của ngữ điệu nói, gần gũi, sống động, tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao tiếp giữa tác giả với một lớp công chúng độc giả mới ở thành thị tư sản hoá.

– Hình thức kể chuyện được nhiều nhà thơ ưa thích và vận dụng, không chỉ làm cho thơ "đễ đọc" mà còn mở đường cho sự xâm nhập của chất văn xuôi vào thơ.